

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục và phê duyệt Quy trình  
nội bộ giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, thay thế  
lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của  
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1959/QĐ-BNN-LN ngày 25/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 325/TTr-SNN ngày 11/7/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 03 Danh mục và phê duyệt 03 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) ban hành mới, thay thế

lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, như sau:

1. Công bố 03 Danh mục thủ tục hành chính, trong đó: 01 TTHC cấp tỉnh và 02 TTHC cấp huyện.

*(Có Phụ lục I kèm theo).*

2. Phê duyệt 03 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp đối với 03 thủ tục hành chính được công bố tại khoản 1 Điều này, trong đó: 01 quy trình đối với 01 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 02 quy trình đối với 02 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (01 TTHC liên thông UBND tỉnh).

*(Có Phụ lục II kèm theo).*

**Điều 2.** Bãi bỏ 02 Danh mục thủ tục hành chính và 02 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, cụ thể:

1. Bãi bỏ 01 Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực Lâm nghiệp (Số thứ tự 04 mục VI phần A); 01 Danh mục thủ tục hành chính cấp huyện lĩnh vực Lâm nghiệp (Số thứ tự 01 mục II phần B) ban hành kèm theo Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.

2. Bãi bỏ 01 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực Lâm nghiệp (Số thứ tự 02 mục B phần I); 01 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện lĩnh vực Lâm nghiệp (Số thứ tự 01 phần II) ban hành kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt Quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.

*(Có phụ lục III kèm theo).*

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./

**Nơi nhận:**

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch; các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Như Điều 3;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Hương ( 05 bản).

**CHỦ TỊCH**



**Hoàng Quốc Khánh**

# DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÀM NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4368/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**TÔNG: 03 THHC**

Phụ lục II

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG**  
**THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4367/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH SƠN LA**

1. Tên TTHC: Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư

a) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- *Hồ sơ Chủ đầu tư dự án nộp đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm:*

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán theo Mẫu số 13 Phụ lục kèm theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ;

+ Thuyết minh thiết kế bao gồm dự toán và bản đồ thiết kế công trình lâm sinh theo Mẫu số 14 Phụ lục kèm theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ;

+ Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc kế hoạch vốn được giao đối với hoạt động sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và các tài liệu khác có liên quan.

b) Thời gian và trình tự thực hiện:

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày.
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm: 12 ngày.
- Thời gian đã cắt giảm: 03 ngày (20%).
- Trình tự thực hiện:

| TT | Trình tự thực hiện          | Trách nhiệm thực hiện                               | Sản phẩm thực hiện  | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ<br>Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh | Kèm theo scan hồ sơ | 1/4 ngày            |
| B2 | Xem xét phân công           | Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm                           | Ý kiến phân công    | 1/4 ngày            |

| TT                       | Trình tự thực hiện                             | Trách nhiệm thực hiện                          | Sản phẩm thực hiện                             | Thời gian thực hiện |
|--------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------|
| B3                       | Phân công thụ lý                               | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR                  | Ý kiến phân công                               | 1/4 ngày            |
| B4                       | Thẩm định hồ sơ                                | Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR | Dự thảo Văn bản ( <i>Báo cáo thẩm định</i> )   | 9,75 ngày           |
| B5                       | Xét duyệt                                      | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR                  | Ý kiến xét duyệt                               | 1/4 ngày            |
| B6                       | Xem xét và phê duyệt                           | Lãnh đạo Chi cục                               | Ý kiến xét duyệt                               | 1/2 ngày            |
| B7                       | Ký duyệt hồ sơ                                 | Lãnh đạo Sở                                    | Ý kiến phê duyệt                               | 1/2 ngày            |
| B8                       | Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC | Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR | Văn bản phát hành ( <i>Báo cáo thẩm định</i> ) | 1/4 ngày            |
| B9                       | Trả kết quả                                    | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh            | Đính kèm kết quả ( <i>scan QĐ phê duyệt</i> )  | 0 ngày              |
| Tổng thời gian thực hiện |                                                |                                                |                                                | 12 ngày             |

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

1. Tên TTHC: Hồ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân (Liên thông UBND tỉnh)

a) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(1) Hồ sơ Chủ đầu tư dự án nộp đến UBND cấp huyện, gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ;

- Bản thiết kế trồng rừng, chăm sóc năm thứ nhất theo Mẫu số 04 Phụ lục kèm theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ;

- Bản sao hợp đồng tín dụng đã ký giữa chủ rừng và ngân hàng thương mại.

(2) Hồ sơ UBND cấp huyện trình UBND cấp tỉnh, gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ;

- Bản thiết kế trồng rừng, chăm sóc năm thứ nhất theo Mẫu số 04 Phụ lục kèm theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ;

- Bản sao hợp đồng tín dụng đã ký giữa chủ rừng và ngân hàng thương mại;

- Biên bản xác minh điều kiện hỗ trợ lãi suất tín dụng.

b) Thời gian và trình tự thực hiện:

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày.

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 16 ngày.

- Thời gian đã cắt giảm: 04 ngày (20%).

- Trình tự thực hiện:

| TT | Trình tự thực hiện          | Trách nhiệm thực hiện    | Sản phẩm thực hiện  | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------|--------------------------|---------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ cấp huyện | Kèm theo scan hồ sơ | 1/4 ngày            |
| B2 | Xem xét phân công           | Lãnh đạo UBND cấp huyện  | Ý kiến phân công    | 1/4 ngày            |

| TT                              | Trình tự thực hiện                                                                          | Trách nhiệm thực hiện                                                         | Sản phẩm thực hiện                                   | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------|
| B3                              | Phân công thụ lý                                                                            | Lãnh đạo phòng chức năng                                                      | Ý kiến phân công                                     | 1/4 ngày            |
| B4                              | Xác minh hồ sơ                                                                              | Lãnh đạo và chuyên viên phòng chức năng phối hợp với các cơ quan có liên quan | Biên bản xác minh điều kiện hỗ trợ lãi xuất tín dụng | 12 ngày             |
| B5                              | Chuyển liên thông lên UBND tỉnh                                                             | Bộ phận TN&TKQ cấp huyện                                                      | Đính kèm HS liên thông (scan)                        | 1/4 ngày            |
| B6                              | Liên thông UBND tỉnh ( <i>Xem xét và phê duyệt hồ trợ lãi xuất tín dụng của UBND tỉnh</i> ) |                                                                               |                                                      | 03 ngày             |
| B7                              | Trả kết quả                                                                                 | Bộ phận TN&TKQ cấp huyện                                                      | Đính kèm kết quả ( <i>scan QĐ phê duyệt</i> )        | 0 ngày              |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                                                             |                                                                               |                                                      | <b>16 ngày</b>      |

2. Tên TTHC: Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh do chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư

a) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ:

- Hồ sơ Chủ đầu tư dự án nộp đến Phòng chức năng cấp huyện hoặc cơ quan Kiểm lâm cấp huyện, gồm:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán theo Mẫu số 13 Phụ lục kèm theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ;

+ Thuyết minh thiết kế bao gồm dự toán và bản đồ thiết kế công trình lâm sinh theo Mẫu số 14 Phụ lục kèm theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ;

+ Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc kế hoạch vốn được giao đối với hoạt động sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và các tài liệu khác có liên quan.

b) Thời gian và trình tự thực hiện:

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày.
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 12 ngày.
- Thời gian đã cắt giảm: 03 ngày (20%).
- Trình tự thực hiện:

| TT | Trình tự thực hiện          | Trách nhiệm thực hiện                                                           | Sản phẩm thực hiện                  | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ cấp huyện hoặc cơ quan Kiểm lâm cấp huyện                        | Kèm theo scan hồ sơ                 | 1/4 ngày            |
| B2 | Xem xét phân công thụ lý    | Lãnh đạo Phòng chức năng cấp huyện hoặc cơ quan Kiểm lâm cấp huyện              | Ý kiến phân công                    | 1/4 ngày            |
| B3 | Thẩm định hồ sơ             | Chuyên viên Phòng chức năng cấp huyện /Kiểm lâm viên cơ quan Kiểm lâm cấp huyện | Dự thảo Văn bản (Báo cáo thẩm định) | 10,5 ngày           |

| TT                              | Trình tự thực hiện                             | Trách nhiệm thực hiện                                                           | Sản phẩm thực hiện                                 | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|
| B4                              | Xem xét và phê duyệt                           | Lãnh đạo Phòng chức năng cấp huyện hoặc cơ quan Kiểm lâm cấp huyện              | Ý kiến xét duyệt                                   | 1/4 ngày            |
| B5                              | Ký duyệt hồ sơ                                 | Lãnh đạo Phòng chức năng cấp huyện hoặc cơ quan Kiểm lâm cấp huyện              | Ý kiến phê duyệt                                   | 1/2 ngày            |
| B6                              | Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC | Chuyên viên Phòng chức năng cấp huyện /Kiểm lâm viên cơ quan Kiểm lâm cấp huyện | Văn bản phát hành ( <i>Báo cáo thẩm định</i> )     | 1/4 ngày            |
| B7                              | Trả kết quả                                    | Bộ phận TN&TKQ cấp huyện hoặc cơ quan Kiểm lâm cấp huyện                        | Đính kèm kết quả ( <i>scan Báo cáo thẩm định</i> ) | 0 ngày              |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                |                                                                                 |                                                    | <b>12 ngày</b>      |

Phụ lục III:

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÀI BỎ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| TT            | Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ                                                                                                                   | Nội dung quyết định công bố danh mục và phê duyệt quy trình bị bãi bỏ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Ghi chú |
|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| A. CẤP TỈNH   |                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |         |
| 1             | Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc Dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)  | <div>- Công bố danh mục: Số thứ tự 04 mục VI phần A ban hành kèm theo Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.</div> <div>- Phê duyệt quy trình giải quyết: Số thứ tự 02 mục B phần I ban hành kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt Quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.</div> |         |
| B. CẤP HUYỆN  |                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |         |
| 1             | Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư) | <div>- Công bố danh mục: Số thứ tự 01 mục II phần B ban hành kèm Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.</div> <div>- Phê duyệt quy trình giải quyết: Số thứ tự 01 phần II ban hành kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt Quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.</div>           |         |
| TỔNG: 02 TTHC |                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |         |